TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T O** **THÀNH PHỐ H N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2020/QĐST-HNGĐ	*T O, ngày 28 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **N T N**, sinh năm 1983.

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn X D, xã X D, huyện T O, Tp.H N.

Bị đơn: Anh **P X T**, sinh năm 1979

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn X D, xã X D, huyện T O, Tp.H N.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **N T N và anh P X T.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **N T N và anh P X T**

thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Chị N T N và anh P X T, thỏa thuận việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cụ thể chị N T N nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P L N, sinh ngày 04/9/2015, anh P X T nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P X P, sinh năm 2005. Anh T, chị N không bên nào yêu cầu trợ cấp nuôi cho bên nào, nên tạm hoãn việc trợ cấp nuôi dưỡng con chung cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu.

Chị N T N và anh P X T có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở bên nào.

- *Về tài sản chung:* Chị N T N và anh P X T có đơn đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ kiện này nên không xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

- *Về án phí:* Chị N T N tự nguyện nộp: 150.000đồng(*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả chị N T N: 150.000đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được đối trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02016 ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T O, thành phố H N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận :
- TAND TP H N ;
- VKSND huyện T O;
- THADS huyện T O;
- UBND xã X D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O
THẨM PHÁN

NGUYỄN TIẾN HÙNG